

<https://powo.science.kew.org/>. 5. Brummitt R. K. (1992), Vascular plant families and genera, Royal Botanic Gardens, Kew. 6. Nguyễn Nghĩa Thìn (1997), Cẩm nang tra cứu đa dạng sinh vật, NXB Nông nghiệp. 7. Nguyễn Nghĩa Thìn (2001), Thực vật học dân tộc - Cây thuốc của đồng bào Thái Con Cuông, Nghệ An, NXB Nông nghiệp. 8. Võ Văn Chi (2012), Từ điển cây thuốc Việt Nam, Tập 1, 2, NXB Y học. 9. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007), Sách Đỏ Việt Nam - Phần Thực vật, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ. 10. Nguyễn Tập (2007), Cẩm nang những cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam, Mạng lưới LSNG, IUCN xuất bản, 129 trang. 11. Nguyễn Tập (2019), Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam, tập 24, số 6/2019, Trang 319 - 328. 12. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Tạp chí Dược liệu, tập 28, số 1/2023 (Trang 55 - 60)

ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC TẠI TỈNH CÀ MAU

Trần Thị Liên¹, Cao Ngọc Giang¹, Trần Minh Ngọc², Lê Đức Thanh¹, Nguyễn Minh Hùng¹,

Nguyễn Xuân Trường¹, Ngô Thị Minh Huyền^{1,*}

¹*Viện Dược liệu; ²Cục Y Dược cổ truyền*

*Email: ngominhhuyen129@gmail.com

(Nhận bài ngày 30 tháng 01 năm 2023)

Tóm tắt

Tỉnh Cà Mau có diện tích rừng lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Nhờ có hệ sinh thái khá đa dạng tập trung tại Vườn Quốc gia (VQG) U Minh Hạ và VQG Mũi Cà Mau, nên đây là nơi sinh sống của các loài động vật hoang dã và của nhiều loài thực vật, trong đó phải kể đến là các loài thực vật dùng làm thuốc. Kết quả điều tra đã ghi nhận có 229 loài cây thuốc thuộc 185 chi, 81 họ, 2 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành Dương xỉ (Pteridophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Hai họ có số loài nhiều nhất là họ Cúc 20 loài và họ Đậu 14 loài. Dạng sống của cây thuốc được chia làm 6 nhóm, trong đó dạng thân thảo chiếm số lượng lớn nhất là 121 loài chiếm 52,84%. Trong các bộ phận được sử dụng làm thuốc thì bộ phận cả cây được sử dụng nhiều nhất với 114 loài chiếm 49,78%. Nhóm thuốc chữa các bệnh về gan, thận, mật, đường tiết niệu có nhiều loài nhất (124 loài). 2 loài cây thuốc nằm trong Sách đỏ Việt Nam (2007) là loài Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz) ở mức sẽ nguy cấp (VU A2c, B1 + 2a,b) và loài Bí kỷ nam (*Hydnophytum formicarum* Jack.) ở mức nguy cấp (EN Alb, d, B1 + 2b,e), một loài nằm trong Nghị định 84/2021/NĐ-CP là loài Lỗi tiên (*Stephania longa* Lour.)

Từ khóa: Cây thuốc, Đa dạng cây thuốc, VQG U Minh Hạ, VQG Mũi Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.

Summary

Diversity of Medicinal Plant Resources in Ca Mau Province

Ca Mau province has the largest forest area in the Mekong Delta. The quite diverse ecosystems concentrated in U Minh Ha and Mui Ca Mau National Parks, this is home to wildlife and many plant species, including real species medicine. The survey results have recorded 229 medicinal plant species belonging to 185 genera, 81 families, 2 division of vascular plants as Pteridophyta and Magnoliophyta. The two richest families with 20 species and 14 species respectively are Asteraceae and Fabaceae. The life-form of medicinal plants is divided into six groups, most of them belong to herb with 121 species (52.84%). Among the parts used for medicines, the whole plant is most used with 114 species (49.78%). The group of medicines for treating diseases of liver, kidney, bile, urinary tract has the most species (124 species). Two medicinal plant species listed in "Vietnam Red Book" (2007) are *Elaeocarpus hygrophilus* Kurz at endangered level (VU A2c, B1 + 2a,b) and *Hydnophytum formicarum* Jack. at endangering level (EN Alb, d, B1 + 2b,e); a species included in the Government Decree No 84/2021/ND - CP is *Stephania longa* Lour.

Keywords: Ca Mau province, Diversity of medicinal plants, Medicinal plant, Mui Ca Mau National Park, U Minh Ha National Park.

1. Đặt vấn đề

Cà Mau là tỉnh nằm ở cực Nam của Việt Nam. Phần đất liền có diện tích 5.211 km², bằng 1,58% diện tích cả nước; 13,1% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long. Với vị trí giáp biển 2 mặt, Cà Mau như một bán đảo nằm ở vĩ độ địa lý thấp, tính cận xích đạo trong khí hậu khá đặc trưng. Rừng ở Cà Mau với đặc thù là rừng sinh thái ngập mặn (chiếm gần 77% diện tích rừng ngập mặn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long). Bên cạnh đó sâu trong lục địa Cà Mau còn hệ sinh thái rừng tràm (phân bố chủ yếu ở các huyện U Minh, Trần Văn Thời, Thới Bình...). Tỉnh Cà Mau có diện tích đất lâm nghiệp lớn nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long với 2 loại rừng nổi tiếng là rừng tràm VQG U Minh Hạ ở huyện U Minh và VQG Mũi Cà Mau với rừng đước ở vùng ngập triều ven biển huyện Năm Căn và Ngọc Hiển. Đây là 2 hệ sinh thái rừng đặc thù ở

Đồng bằng sông Cửu Long có năng suất sinh học cao và đa dạng, đảm nhiệm vai trò cân bằng sinh thái gìn giữ bảo vệ môi trường, điều hoà khí hậu, phòng hộ ven biển và cửa sông. Đặc biệt Cà Mau có 2 hệ sinh thái nổi tiếng là hệ sinh thái rừng ngập lợ chua phèn và hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển. Rừng ở tỉnh Cà Mau có vai trò quan trọng là đảm bảo duy trì cân bằng sinh thái, gìn giữ bảo vệ môi trường, điều hoà khí hậu, phòng hộ ven biển và cửa sông, hỗ trợ cho phát triển du lịch, dịch vụ và ngành nghề nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập góp phần xoá đói giảm nghèo.

Viện Dược liệu được Chương trình Tây Nam Bộ phê duyệt đề tài: "Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc và nghiên cứu bảo tồn, trồng trọt một số loài cây thuốc ở một số tỉnh vùng Tây Nam Bộ" nhằm điều tra, tư liệu hóa danh mục các loài cây thuốc thiết yếu có giá trị sử dụng, phân bố tại tỉnh Cà Mau.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài thực vật bậc cao có mạch có công dụng làm thuốc tại VQG U Minh Hạ và VQG Mũi Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chung để điều tra cây thuốc áp dụng theo Quy trình điều tra dược liệu của Viện Dược liệu (2006) [1].

Điều tra theo tuyến: Dựa vào bản đồ địa hình, hiện trạng rừng và sử dụng máy định vị (GPS) thiết lập 7 tuyến điều tra cho VQG U Minh Hạ và 7 tuyến cho VQG Mũi Cà Mau. Các tuyến điều tra đi qua các kiểu địa hình, các quần xã thực vật ở các hệ sinh thái đặc trưng ở hai VQG để khảo sát thành phần loài cây thuốc, các tuyến đó cắt ngang các vùng đại diện cho khu vực nghiên cứu. Từ tuyến chính, các tuyến phụ theo kiểu xương cá được mở về hai phía. Trung bình 1,5 km chiều dài của tuyến chính lại có 2 tuyến phụ được mở ra (Bảng 1). Thu mẫu và ghi nhận tất cả các loài cây thuốc xuất hiện ở dọc hai bên tuyến trong phạm vi mỗi bên 10 m.

Các khóa phân loại trong các tài liệu chính được sử dụng trong quá trình nghiên cứu, định tên loài như: Từ điển cây thuốc Việt Nam [2], Cây cỏ Việt Nam [3], Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam [4], Danh lục cây thuốc Việt Nam (2016) [5], Thực vật chí Đông Dương [6], Thực vật chí Trung Hoa [7]. Tên khoa học của loài (danh pháp họ, chi, loài) được chỉnh lý theo cuốn “Danh lục các loài thực vật Việt Nam” (2003, 2005) [8], kết hợp luật danh pháp quốc tế trên các trang www.tropicos.org

[<https://www.tropicos.org/home>] [9], www.ipni.org [<https://www.ipni.org/>] [10], Plant of the world online [<https://powo.science.kew.org/>] [11].

Phương pháp đánh giá mức độ nguy cấp của các loài cây thuốc: theo Sách đỏ Việt Nam (2007) [12], Danh lục đỏ Việt Nam (2007) [13], Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam (2019) [14], Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp [15].

Thu mẫu tiêu bản cây thuốc: Các tiêu bản cây thuốc được thu thập và xử lý theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [16] và được lưu giữ tại Phòng tiêu bản Trung tâm Tài nguyên Dược liệu - Viện Dược liệu.

Công dụng của từng cây thuốc được xác định dựa trên tên khoa học đã được định danh và tra cứu trong ba tài liệu chuyên ngành về cây thuốc: Từ điển cây thuốc Việt Nam [2], Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam [17], Cây thuốc và động vật làm thuốc [4].

Xử lý số liệu: Số liệu thu thập các thông tin tài nguyên cây thuốc được nhập và xử lý bằng phần Microsoft Excel 2010 để đánh giá tính đa dạng thành phần loài cây thuốc.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian điều tra: Từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 12 năm 2020.

Địa điểm điều tra: VQG U Minh Hạ và VQG Mũi Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bảng 1. Các tuyến khảo sát cây thuốc tại tỉnh Cà Mau

STT	Kế hoạch khảo sát	Địa điểm điều tra
I	<i>Các tuyến khảo sát cây thuốc tại VQG U Minh Hạ</i>	
1	Tuyến 1	Kênh Trung tâm
2	Tuyến 2	Khu bảo tồn nghiêm ngặt; Kênh 19 đến kênh đứng ngoài
3	Tuyến 3	Kênh 19 đến kênh Trung tâm (khu T600)
4	Tuyến 4	Khu phục hồi sinh thái
5	Tuyến 5	Kênh đứng ngoài (T21 - T27)
6	Tuyến 6	Kênh T23 (93 - 106)
7	Tuyến 7	Kênh T96 (21 - 27); Kênh T93 (21 - 27)
II	<i>Các tuyến khảo sát cây thuốc tại VQG Mũi Cà Mau</i>	
1	Tuyến 1	Tiểu khu 1 - tiểu khu 4, tiểu khu 83
2	Tuyến 2	Tiểu khu 82, tiểu khu 81, tiểu khu 2
3	Tuyến 3	Tiểu khu 2A - tiểu khu 2B, tiểu khu 78A, tiểu khu 78B, tiểu khu 78C
4	Tuyến 4	Tiểu khu 140 - tiểu khu 141, tiểu khu 142
5	Tuyến 5	Tiểu khu 144 - tiểu khu 145, tiểu khu 143A
6	Tuyến 6	Dọc sông Ông Trạng - Cửa Lớn
7	Tuyến 7	Dọc các kinh giáp ranh VQG Mũi Cà Mau và khu dân cư

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Đa dạng taxon cây thuốc ở các bậc ngành, lớp thực vật của tỉnh Cà Mau

Trên cơ sở các dữ liệu thu thập từ điều tra trong dân và khảo sát thực địa, các mẫu vật thu thập được sau khi xử lý, phân tích và tổng hợp,

nghiên cứu đã xác định được 229 loài, 185 chi, 81 họ thuộc hai ngành thực vật bậc cao có mạch cho khu hệ thực vật có giá trị làm thuốc tại VQG U Minh Hạ và VQG Mũi Cà Mau đây là 2 nơi tập trung đa dạng sinh học cao nhất của tỉnh Cà Mau. Kết quả được tổng hợp trong Bảng 2.

Bảng 2. Số lượng loài cây thuốc trong các ngành thực vật của tỉnh Cà Mau

TT	Ngành và Lớp	Họ		Chi		Loài		Nguồn gốc	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Mọc tự nhiên	Trồng
1	Ngành Dương xỉ (Pteridophyta)	7	8,64	8	4,32	9	3,93	9	0
2	Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)	74	91,36	177	95,68	220	96,07	179	41
	Lớp Hành (Liliopsida)	19	23,46	35	18,92	41	17,90	28	13
	Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)	55	67,90	142	76,76	179	78,17	151	28
	Tổng số	81	100	185	100	229	100	188	41

Bảng 2 cho thấy sự phân bố của các taxon cây thuốc trong hai ngành là không đều, chủ yếu tập trung ở ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 74 họ chiếm 91,36% tổng số họ, 177 chi chiếm 95,68% tổng số chi, 220 loài chiếm 96,07% tổng số loài. Ngành Dương xỉ (Pteridophyta) chỉ có một lớp Dương xỉ (Polypodiopsida) với 7 họ chiếm 8,64% tổng số họ, 8 chi chiếm 4,32% tổng số chi, 9 loài chiếm 3,93% tổng số loài. Trong ngành Ngọc lan thì lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) có số lượng loài cây thuốc phong phú nhất, chiếm ưu thế vượt trội với 179 loài (khoảng 78,17% trên tổng số loài cây thuốc đã ghi nhận được), 142 chi (chiếm 76,76%), 55 họ (chiếm 67,9%); cao thứ 2 là lớp Hành (Liliopsida) với 41 loài (chiếm 17,9%), 35 chi (chiếm 18,92%), 19 họ (chiếm 23,467%). Tỷ lệ lớp Ngọc lan/lớp Hành là 5,5 : 1,9 điều này cho thấy lớp Ngọc lan đóng vai trò chủ đạo của hệ thực vật làm cây thuốc và ngành Ngọc lan chiếm ưu thế trong toàn khu hệ thực vật. Trong 229 loài thực vật dùng làm thuốc

có 188 loài phân bố ngoài tự nhiên, 41 loài còn lại được ghi nhận trồng trong vườn nhà của các hộ dân hoặc các vườn cây thuốc nam trên địa bàn tỉnh nằm trong khu vực điều tra.

Trong 229 loài ghi nhận được có 2 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam (2007), 1 loài ở mức sẽ nguy cấp (VU A2c, B1 + 2a,b) là loài Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz), 1 loài ở mức nguy cấp (EN Alb, d, B1 + 2b,e) là loài Kỳ nam kiền (*Hydnophytum formicarum* Jack.) và 1 loài Nghị định 84/2021/NĐ-CP là loài Dây lồi tiền (*Stephania longa* Lour.) đây là các loài ghi nhận phân bố tại VQG U Minh Hạ chưa ghi nhận tại VQG Mũi Cà Mau.

3.2. Đa dạng các taxon cây thuốc ở bậc họ và chi của tỉnh Cà Mau

Tính đa dạng cây thuốc ở tỉnh Cà Mau còn được xem xét ở bậc họ và chi. Tổng số 229 loài cây thuốc, 185 chi, 81 họ thuộc hai ngành thực vật. Trong đó, có 11 họ giàu loài nhất có từ 6 loài đến 20 loài (Bảng 3).

Bảng 3. Các họ thực vật có nhiều loài làm thuốc của tỉnh Cà Mau

STT	Họ thực vật	Tên Việt Nam	Loài	%
1	Asteraceae	Họ Cúc	20	8,73
2	Fabaceae	Họ Đậu	14	6,11
3	Acanthaceae	Họ Ô rô	12	5,24
4	Amaranthaceae	Họ Rau dền	9	3,93
5	Apocynaceae	Họ Trúc đào	8	3,49
6	Euphorbiaceae	Họ Thầu dầu	8	3,49
7	Lamiaceae	Họ Bạc hà	8	3,49
8	Malvaceae	Họ Bông	8	3,49
9	Rhizophoraceae	Họ Đước	7	3,06
10	Araceae	Họ Ráy	6	2,62
11	Rubiaceae	Họ Cà phê	6	2,62
	Các họ còn lại		123	53,71
	Tổng		229	100

Kết quả Bảng 3 cho thấy có 11 họ giàu loài nhất từ 6 loài đến 20 loài chiếm 46,29% tổng số loài cây thuốc. Trong các họ giàu loài thì họ Cúc (Asteraceae) có số lượng loài nhiều nhất là 20 loài (chiếm 8,73%), tiếp theo là họ Đậu (Fabaceae) với 14 loài (chiếm 6,11%), họ Ô rô (Acanthaceae) với 12 loài (chiếm 5,24%), họ Rau dền (Amaranthaceae) với 9 loài (chiếm 3,93%), Có 4 họ Trúc đào (Apocynaceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Bạc hà (Lamiaceae) và họ Bông (Malvaceae) có số loài bằng nhau là 8 loài (chiếm 3,49%) mỗi họ, họ Đước (Rhizophoraceae) với 7 loài (chiếm 3,06%), họ Ráy (Araceae) và họ

Cà phê (Rubiaceae) có số loài ít nhất trong 11 họ giàu loài là 6 loài cây thuốc (chiếm 2,62%) mỗi họ. Trong đó 123 họ còn lại chiếm 53,71%.

Tính đa dạng chi góp phần phong phú thành phần loài thực vật làm thuốc của tỉnh Cà Mau. Phân tích sâu hơn tính đa dạng loài cây thuốc trong mỗi chi thực vật được tổng hợp ở Bảng 4.

Bảng 4 cho thấy số lượng các chi giàu loài nhất (có 3 - 4 loài) có 29 loài, chiếm tỷ lệ 12,66% tổng số loài cây thuốc. Hai chi có số loài cao nhất là Chi Dền (*Amaranthus*) và chi Thầu dầu (*Euphorbia*) có 4 loài/chi chiếm 3,49% tổng số loài cây thuốc, mỗi chi chiếm 1,75%. 7 chi có 3

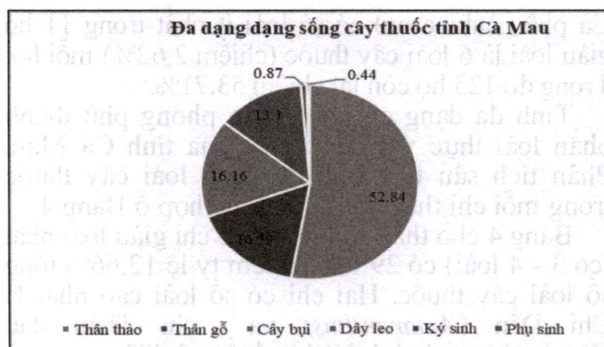
loài/chi bao gồm các chi: chi Rau dệu (*Alternanthera*), chi Na (*Annona*), chi Vệt (*Bruguiera*), chi Náng (*Crinum*), chi Sung (*Ficus*), chi Diệp hạ châu (*Phyllanthus*) và chi Muồng (*Senna*) chiếm 9,17% tổng số loài cây thuốc, mỗi chi chiếm 1,31%. 24 chi (*Abelmoschus*, *Acanthus*, *Avicennia*, *Blumea*, *Cissus*, *Cleome*, *Commelina*, *Curcuma*, *Cyperus*, *Hygrophila*, *Hyptis*, *Ipomoea*, *Ludwigia*, *Lygodium*, *Ocimum*, *Paederia*, *Pandanus*, *Persicaria*, *Pseuderanthemum*, *Rhizophora*, *Solanum*, *Sonneratia*, *Vigna*, *Xylocarpus*) có 2 loài chiếm 20,96% tổng số loài cây thuốc, mỗi chi chiếm 0,87%. Các chi còn lại chỉ với một loài (132 chi) chiếm khoảng 66,38% tổng số loài cây thuốc. Điều này chứng tỏ không có chi nào có thành phần loài cây thuốc chiếm ưu thế vượt trội trong toàn bộ các loài có giá trị làm thuốc tại tỉnh Cà Mau.

Bảng 4. Các chi thực vật có nhiều loài làm thuốc của tỉnh Cà Mau

STT	Chi	Tên Việt Nam	Số loài	%
1	<i>Amaranthus</i>	Chi Dền	4	1,75
2	<i>Euphorbia</i>	Chi Thầu dầu	4	1,75
3	<i>Alternanthera</i>	Chi Rau dệu	3	1,31
4	<i>Annona</i>	Chi Na	3	1,31
5	<i>Bruguiera</i>	Chi Vệt	3	1,31
6	<i>Crinum</i>	Chi Náng	3	1,31
7	<i>Ficus</i>	Chi Sung	3	1,31
8	<i>Phyllanthus</i>	Chi Diệp hạ châu	3	1,31
9	<i>Senna</i>	Chi Muồng	3	1,31
Các chi còn lại			156	87,34
Tổng			185	100

3.3. Đa dạng các dạng sống cây thuốc của tỉnh Cà Mau

Phân tích tính đa dạng về dạng sống và phân bố của các loài cây thuốc giúp chúng ta định hướng để tăng nguồn nguyên liệu sẽ khai thác và sử dụng. Dựa trên kết quả nghiên cứu, cây thuốc ở tỉnh Cà Mau được chia thành 6 nhóm dạng sống chính: cây gỗ (Gỗ lớn và gỗ vừa), cây bụi, cây thân thảo/cỏ, dây leo, phụ sinh và ký sinh. Kết quả nghiên cứu dạng sống được trình bày ở Hình 1.



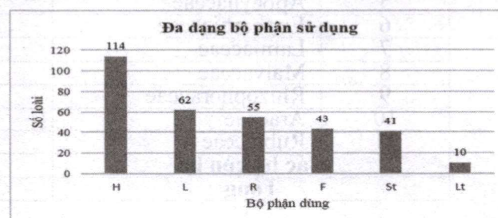
Hình 1. Dạng sống các loài cây thuốc của tỉnh Cà Mau

Kết quả trên cho thấy cây thuốc tại tỉnh Cà Mau chủ yếu là cây thân cỏ/thân thảo với 121 loài chiếm 52,84% cao nhất so với 5 dạng sống còn lại; nhóm cây thân gỗ có 38 loài chiếm 16,59%, nhóm cây bụi 37 loài chiếm 16,16%, nhóm cây dây leo có 30 loài chiếm 13,1%, hai nhóm có số lượng loài thấp nhất là nhóm thực vật ký sinh và phụ sinh mỗi loài có số lượng lần lượt 2 loài chiếm 0,87% đối với nhóm thực vật ký sinh, và nhóm thực vật phụ sinh 1 loài chiếm 0,44%.

3.4. Đa dạng các bộ phận sử dụng cây thuốc tại tỉnh Cà Mau

Kinh nghiệm sử dụng cây cỏ để phòng, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng trong Y học cổ truyền cho thấy các bộ phận của thảo mộc được sử dụng vào nhiều mục đích sử dụng và hiệu quả về mặt dược tính cũng khác nhau tùy thuộc vào kinh nghiệm vận dụng của các thầy thuốc trong điều trị. Mỗi một loài thảo mộc có thể chỉ sử dụng một bộ phận (rễ hoặc thân, hoặc lá, hoặc hoa, hoặc quả...) trong điều trị hay phối hợp nhiều bộ phận của cùng một cây (vừa rễ vừa lá, hay rễ, thân, và quả...) hoặc phối hợp với nhiều loài khác nhau trong điều trị thì mới phát huy tốt đặc tính dược lý của loài đó. Việc nghiên cứu xác định các bộ phận sử dụng của cây làm thuốc nhằm giúp sử dụng một cách hiệu quả nguồn tài nguyên dược liệu, định hướng trong nghiên cứu phân tích thành phần hóa học và dược tính của cây để giảm thiểu sự khai thác bừa bãi, phi phạm và đe dọa đến nguồn tài nguyên.

Dựa trên kết quả khảo sát điều tra và các tài liệu được điển chuyên ngành nêu trên, các cây thuốc ở tỉnh Cà Mau được chia thành các nhóm bộ phận sử dụng: cả cây (H), hoa/quả/hạt (F), thân/vỏ (St), lá/cành (L), rễ/rễ củ, củ (R), nhựa/mủ (Lt). Kết quả nghiên cứu bộ phận sử dụng cây thuốc được trình bày trong Hình 2.



Hình 2. Đa dạng bộ phận sử dụng cây thuốc tại tỉnh Cà Mau

* Ghi chú: Một loài có thể sử dụng 1 đến nhiều bộ phận khác nhau.

Hình 2 cho thấy dùng cả cây có số lượng loài nhiều nhất với 114 loài chiếm 49,78%. Tiếp theo là sử dụng lá/cành có 62 loài chiếm 27,07%, sử dụng dùng rễ/rễ củ có 55 loài chiếm 24,02%. Sử dụng hoa/quả/hạt có 43 loài chiếm 18,78%, thân/vỏ có 41 loài chiếm 17,9% và thấp nhất là sử dụng nhựa mủ 10 loài, chiếm 4,37%.

3.5. Đa dạng nhóm bệnh của các cây thuốc tại tỉnh Cà Mau

Mỗi cây thuốc có thể có nhiều công dụng khác nhau tùy thuộc vào tri thức bản địa và kinh nghiệm sử dụng dược liệu để chữa bệnh, sẽ lựa chọn bộ phận sử dụng phù hợp đối với mỗi loại cây thuốc phối hợp với các vị thuốc khác nhau để làm tăng hiệu quả trong quá trình điều trị bệnh. Vì vậy, việc phân loại các nhóm bệnh của từng

cây thuốc đã ghi nhận tại tỉnh Cà Mau rất cần thiết nhằm đánh giá mức độ phong phú về công dụng của từng loài, 20 nhóm bệnh dùng phân loại cho 229 cây thuốc đã ghi nhận được dựa vào nguồn tài liệu của Đỗ Tất Lợi (2006) [17], Võ Văn Chi (2012) [2], thông tư Bộ Y tế (2013) [18] kết quả phân tích thể hiện rõ ở Bảng 5.

Bảng 5. Đa dạng nhóm thuốc chữa bệnh của các cây thuốc tại tỉnh Cà Mau

STT	Nhóm bệnh	Số loài*	Tỉ lệ %
1	Bệnh về gan, thận, mật, đường tiết niệu	124	54,15
2	Bệnh ngoài da	100	43,67
3	Bệnh về đường hô hấp	83	36,24
4	Bệnh về đường tiêu hoá	65	28,38
5	Bệnh phụ nữ	54	23,58
6	Bệnh về mắt, tai, mũi, họng, răng	52	22,71
7	Bệnh đau đầu, cảm, sốt	44	19,21
8	Bệnh tê thấp, đau nhức, xương khớp	37	16,16
9	Nhóm cây giải độc	33	14,41
10	Bệnh lý	29	12,66
11	Trị giun, sán	26	11,35
12	Thuốc ngủ, an thần, thần kinh	21	9,17
13	Cầm máu	19	8,30
14	Nhuận tràng	19	8,30
15	Bị động vật cắn	24	10,48
16	Thuốc bổ dưỡng	21	9,17
17	Bệnh huyết áp	8	3,49
18	Bệnh dạ dày	8	3,49
19	Bệnh tim mạch	6	2,62
20	Bệnh lây qua đường sinh dục	7	3,06

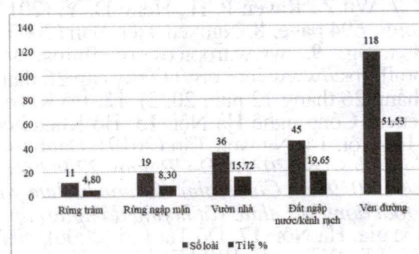
* Ghi chú: Một loài có 1 đến nhiều giá trị sử dụng khác nhau.

Trong 20 nhóm bệnh thì nhóm cây thuốc chữa các bệnh về gan, thận, mật và đường tiết niệu chiếm số lượng loài cao nhất 124 loài (chiếm 54,15%), kế đến nhóm chữa bệnh ngoài da có 100 loài (chiếm 43,67%) và nhóm chữa bệnh đường hô hấp chiếm 83 loài (36,24%) đây là 3 nhóm bệnh có số lượng cây thuốc nhiều nhất. 4 nhóm bệnh có số cây thuốc ít nhất trong 20 nhóm lần lượt là nhóm chữa bệnh huyết áp và dạ dày mỗi nhóm 8 loài (chiếm 3,49%), nhóm các bệnh lây qua đường tình dục có 7 loài chiếm 3,06%, nhóm tim mạch có 6 loài chiếm 2,62%.

3.6. Phân bố tài nguyên cây thuốc của tỉnh Cà Mau

Vườn Quốc gia U Minh Hạ thuộc hệ sinh thái rừng ngập nước lợ, ứng phen có địa hình dạng lòng chảo Nam Bộ, miền đồng bằng tích tụ Tây Nam bộ, với kiểu kiến trúc hình thái trũng, phù sa mới và sệt vũng có cao địa hình từ 0,2 m - 1,5 m. Đây là nơi bảo tồn và phát triển hệ sinh thái rừng ngập nước trên đất than bùn với ưu thế cây tràm cùng nhiều loài động thực vật khác, còn đối với VQG Mũi Cà Mau hệ sinh thái chủ yếu là rừng ngập mặn và đất ngập nước. Căn cứ vào các yếu tố địa hình, khí hậu, đất đai và sự phân bố của các loài thực vật làm thuốc, chúng tôi chia sinh cảnh sống chính của các loài cây thuốc ở VQG U Minh Hạ và VQG Mũi Cà Mau thành 5 nhóm sau: Rừng ngập mặn, cây mọc trên đất ngập nước/ven kênh rạch, rừng tràm, cây mọc đất

âm ven đường và cây trồng trong vườn nhà. Kết quả nghiên cứu được trình bày trong Hình 3.



Hình 3. Phân bố các loài cây thuốc theo sinh cảnh tại tỉnh Cà Mau

Hình 3 cho thấy các loài cây thuốc chủ yếu phân bố nơi đất âm ven đường mòn có 118 loài chiếm 51,53% tổng số loài cây thuốc. Tiếp theo là nhóm cây thuốc sống ven kênh rạch/đất ngập nước có 45 loài chiếm 19,65%. Nhóm cây thuốc ghi nhận trong vườn nhà có 36 loài chiếm 15,72% tổng số loài cây thuốc. Nhóm cây thuốc phân bố ở sinh cảnh rừng ngập mặn có 19 loài thực vật làm thuốc chiếm 8,3%. Thấp nhất là số cây thuốc phân bố ở rừng tràm chỉ có 11 loài chiếm 4,8% tổng số loài cây thuốc.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã xác định được 229 loài, 185 chi, 81 họ thuộc hai ngành thực vật bậc cao có mạch cho khu hệ thực vật có giá trị làm thuốc của tỉnh Cà Mau. Trong đó ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có số lượng loài cây thuốc phong phú nhất, chiếm ưu thế

vượt trội với 74 họ, 177 chi, 220 loài. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) với 7 họ, 8 chi, 9 loài. Trong ngành Ngọc lan thì lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) có số lượng loài cây thuốc phong phú nhất, chiếm ưu thế vượt trội với 179 loài, 142 chi, 55 họ; lớp Hành (Liliopsida) với 41 loài, 35 chi, 19 họ.

Khả năng sinh tồn của loài cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz) và bí kỳ nam (*Hydnophytum formicarum* Jack.) được ghi nhận có trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), loài Lỗi tiền (*Stephania longa* Lour.) nằm trong Nghị định 84/2021/NĐ-CP cho Vườn Quốc gia U Minh Hạ.

Trong 6 dạng cây thì nhóm cây thân cỏ/thân thảo có 121 loài cao nhất so với 5 dạng sống còn lại; nhóm cây thân gỗ có 38 loài, nhóm cây bụi 37 loài, nhóm cây dây leo có 30 loài, hai nhóm có số lượng loài thấp nhất là nhóm thực vật ký sinh và phụ sinh mỗi loài có số lượng lần lượt 2 loài đối với nhóm thực vật ký sinh, và nhóm thực vật phụ sinh 1 loài.

Dùng toàn cây có số lượng loài nhiều nhất với 114 loài, tiếp theo là sử dụng lá/cành có 62 loài, sử dụng dùng rễ/rễ củ có 55 loài. Sử dụng hoa/quả/hạt có 43 loài, thân/vỏ có 41 loài và thấp nhất là sử dụng nhựa mủ 10 loài.

Các loài cây thuốc tại đây có khả năng điều trị 20 nhóm bệnh khác nhau trong đó 3 nhóm bệnh được chữa trị có số lượng loài nhiều nhất là nhóm thuốc chữa bệnh về gan, thận, mật và đường tiết niệu 124 loài, kế đến nhóm chữa bệnh ngoài da có 100 loài và nhóm chữa bệnh đường hô hấp chiếm 83 loài.

Các loài cây thuốc chủ yếu phân bố nơi đất ẩm ven đường mòn có 118 loài chiếm số lượng loài nhiều nhất trên tổng số loài. Tiếp theo là nhóm cây thuốc sống ven kênh rạch/đất ngập nước có 45 loài, kế đến nhóm cây thuốc trồng trong vườn nhà có 36 loài. Thấp nhất là số cây thuốc phân bố ở rừng ngập mặn 19 loài và rừng tràm chỉ có 11 loài.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được thực hiện từ sự tài trợ kinh phí của chương trình Tây Nam Bộ để thực hiện đề tài: “Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn tài nguyên cây thuốc và nghiên cứu bảo tồn, trồng trọt một số loài cây thuốc ở một số tỉnh vùng Tây Nam Bộ [TNB.ĐT/14-19/C16]”. Các tác giả xin chân thành cảm ơn Ban Chỉ đạo chương trình Tây Nam Bộ, UBND Tỉnh, Sở, Hội Đông Y tỉnh Cà Mau, Vườn Quốc gia U Minh Hạ, VQG Mũi Cà Mau và người dân địa phương đã tạo điều kiện và hỗ trợ trong suốt quá trình thực hiện khảo sát nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

1. Viện Dược liệu, 2006. *Nghiên cứu thuốc từ thảo dược*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
2. Võ Văn Chi, 2012. *Từ điển cây thuốc Việt Nam*. NXB Y học TP. HCM.
3. Phạm Hoàng Hộ (1999 - 2000) *Cây cỏ Việt Nam, quyển I, II, III*. NXB Trẻ tp. Hồ Chí Minh.
4. Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Chung, Bùi Xuân Chương, Nguyễn Thượng Đông, Đỗ Trung Đàm, Phạm Văn Hiến, Vũ Ngọc Lộ, Phạm Duy Mai, Phạm Kim Mân, Đoàn Thị Nhu, Nguyễn Tập, Trần Toàn (2013). *Cây thuốc và Động vật làm thuốc ở Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội. Tập I. II (2004). Tập III (2013).
5. Viện Dược liệu (2016) *Danh lục cây thuốc Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
6. Gaonain F. (1908) Zinobéracées. In: Lecomte H. ed. *Flore Générale de l'Indo-Chine*. Masson & Co. Paris. 6, 1744 pages.
7. Wu Z., Raven P. H., Hong D. Y. (2011). *Flora of China* 19, Science Press, Beijing and Missouri Botanical Garden Press, St. Louis, 694 pages.
8. Nguyễn Tiến Bân (2003-2005), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập I, II*. NXB Nông nghiệp Hà Nội, 2.498 trang.
9. www.tropicos.org [<https://www.tropicos.org/home>] (Truy cập tháng 26 tháng 9 năm 2020).
10. www.inni.org [<https://www.inni.org/>] (Truy cập tháng 26 tháng 9 năm 2020).
11. Plant of the world online [<https://powo.science.kew.org/>] (Truy cập tháng 26 tháng 12 năm 2022).
12. Bộ Khoa học và công nghệ (2007), *Sách đỏ Việt Nam, Phần II: Thực vật*. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Hà Nội.
13. Bộ Khoa học và công nghệ (2007). *Danh lục đỏ Việt Nam*. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ Hà Nội.
14. Nguyễn Tấn (2019). *Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam. Tạp chí Dược liệu* 24(6): 319-328.
15. Chính phủ (2021). *Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*.
16. Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. NXB Đại học Quốc gia. Hà Nội.
17. Đỗ Tất Lợi (2006), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. NXB Y học.
18. Bộ Y tế (2013), *Thông tư số 40/2013/TT-BYT*, ngày 18/11/2013 về việc ban hành danh mục thuốc thiết yếu thuốc đông y và thuốc từ dược liệu lần IV.

Tạp chí Dược liệu, tập 28, số 1/2023 (Trang 60 - 64)

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ TÍNH ĐA DẠNG CÂY THUỐC TẠI HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

**Đặng Minh Tú¹, Nguyễn Quỳnh Nga¹, Phan Văn Trường¹, Nguyễn Văn Hiếu¹, Lại Việt Hưng¹,
Nhâm Minh Phúc¹, Nguyễn Khương Duy¹, Nguyễn Thị Lan Hoa¹, Lê Thị Tú Linh¹,
Đỗ Thị Xuyên², Phạm Thanh Huyền^{1,*}**

¹Viện Dược liệu; ²Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội

*Email: huyenptnimm@gmail.com

(Nhận bài ngày 18 tháng 01 năm 2023)

Tóm tắt

Trong năm 2022, nhóm nghiên cứu của Trung tâm Tài nguyên Dược liệu (Viện Dược liệu) và cs. đã tiến hành điều tra tại 12 xã/thị trấn của huyện Sơn Động. Kết quả điều tra đã ghi nhận được 649 loài thực vật làm thuốc, thuộc 437 chi, 149 họ của 6 ngành thực vật có mạch. Thành phần cây thuốc của huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang phong phú ở các bậc phân loại, đa dạng về dạng sống, công dụng, bộ phận sử dụng làm thuốc. Nhóm nghiên cứu cũng đã ghi nhận 39 loài có giá trị bảo tồn; 113 loài đang được khai thác; 13 loài cây thuốc đang được trồng và phát triển ở huyện Sơn Động.

Từ khóa: Đa dạng, Cây thuốc, Huyện Sơn Động.